

Bản án số: **59** /2021/DS-ST.

Ngày: 12/5/2021.

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Thanh Dũng**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông **Nguyễn Văn Bình**.

+ Ông **Nguyễn Phước Tường**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Bùi Quốc Hiên** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 486/2020/TLST-DS, ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần A.**

Địa chỉ: Lô M, Khu Công Nghiệp C, xã D, huyện G, tỉnh Long An.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Tấn Đ** – Tổng Giám Đốc.

Đại diện ủy quyền: Ông **Mai Hùng C**-Pháp lý Công ty. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Đường L, Phường P, quận T, TP HCM.

**2. Bị đơn: Ông Trần Tuấn L**, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**I/ Phần trình bày của nguyên đơn:**

*Tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần A là ông Mai Hùng C có đơn xin vắng mặt. Nhưng tại đơn khởi kiện ngày 12/8/2020 của Công*

*ty cổ phần A và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ Công ty cổ phần A và ông C trình bày thống nhất.*

Công ty cổ phần A sản xuất và kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Ngày 31/12/2015 Công ty cổ phần A với cửa hàng kinh doanh LP do ông Trần Tuấn L làm chủ cửa hàng có ký hợp đồng mua bán các mặt hàng của Công ty cổ phần A có nội dung: Công ty cổ phần A cung cấp cho ông L các mặt hàng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cho ông L làm đại lý tiêu thụ. Theo thỏa thuận thì ông L được đặt hàng qua điện thoại với Công ty cổ phần A, Công ty cổ phần A sẽ cung cấp cho ông L các mặt hàng theo yêu cầu, sau đó ông L có nghĩa vụ chuyển khoản trả tiền cho Công ty cổ phần A. Điều kiện đặc hàng là số dư công nợ không vượt quá hạn mức nợ và định mức theo thông báo của công ty. Hạn nợ là từ 30 ngày đến 90 ngày phải thanh toán đầy đủ tiền đối với các mặt hàng đã đặt mua của Công ty cổ phần A. Còn chiết khấu thanh toán theo từng thông báo riêng. Nếu có nợ quá hạn thì ông L phải chịu lãi phát sinh theo lãi suất phạt của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại thời điểm vi phạm.

Theo hợp đồng này Công ty cổ phần A đã cung cấp đầy đủ các mặt hàng theo yêu cầu của ông L và cũng đã chiết khấu từng vụ việc theo hợp đồng. Nhưng đến ngày 30/6/2016 qua đối chiếu công nợ thì ông L còn nợ Công ty cổ phần A tiền mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật là 237.172.226 đồng vốn. Sau khi đối chiếu thì ông L có trả tiếp cho Công ty cổ phần A 121.803.355đ. Hiện ông L còn nợ Công ty cổ phần A là 115.368.871đ vốn gốc.

Nay Công ty cổ phần A yêu cầu ông L trả cho Công ty cổ phần A 115.368.871đ vốn gốc và không yêu cầu tính lãi phát sinh theo hợp đồng. Và yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

## **II/ Phần trình bày của bị đơn ông Trần Tuấn L.**

Ông L dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần A đòi ông trả 115.368.871đ vốn gốc trong hợp đồng mua bán phân bón thuốc trừ sâu với Công ty cổ phần A và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng ông L vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến về việc vắng mặt của ông cũng như yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần A.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng dân sự:**

##### **- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Công ty cổ phần A có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán với ông Trần Tuấn L. Ông L có địa chỉ tại ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

-Về việc giải quyết vụ án vắng mặt đương sự:

+Ông Trần Tuấn L là bị đơn trong vụ án, mặt dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần A đòi ông L trả 115.368.871đ, tiền mua phân bón và vật tư nông nghiệp còn nợ và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng ông L vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến về việc vắng mặt của ông cũng như yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần A. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 xét xử vắng mặt anh ông L.

+ Đối với ông Mai Hùng C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Nhận thấy đơn xin vắng mặt của ông C nộp cho Tòa án là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp qui định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt ông C.

- Về quan hệ tranh chấp:

Công ty cổ phần Akhởi kiện đòi ông Trần Tuấn L trả 115.368.871đ tiền mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật còn nợ. Các quan hệ tranh chấp này đã được Tòa án thụ lý, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử chỉ cần xác định đúng quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản” và đưa ra xét xử là có căn cứ đúng qui định pháp luật.

**[2] Về nội dung vụ án:**

Nguyên đơn Công ty cổ phần A và người đại diện theo ủy quyền là ông Mai Hùng C trình bày thống nhất là Công ty cổ phần A sản xuất và kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2016 có bán cho ông L nhiều lần các mặt hàng trên. Theo thỏa thuận là ông L đặc hàng qua điện thoại, Công ty cổ phần Asẽ giao đủ theo yêu cầu của ông L. Ông L sẽ chuyển khoản thanh toán tiền cho Công ty cổ phần A trong thời hạn từ 30 ngày đến 90 ngày phải thanh toán dứt điểm. Nhưng đến ngày 30/6/2016 qua đối chiếu công nợ thì ông L còn nợ Công ty cổ phần Asố tiền là 237.172.226 đồng vốn. Sau khi đối chiếu thì ông L có trả tiếp cho Công ty cổ phần A 121.803.355đ. Hiện ông L còn nợ Công ty cổ phần A là 115.368.871đ vốn gốc. Do ông L vi phạm nghĩa vụ trả tiền đã thỏa thuận theo hợp đồng, nên Công ty cổ phần A khởi kiện yêu cầu ông L trả số tiền còn nợ trên và trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Nhận thấy Công ty cổ phần A khởi kiện ông L đòi trả số tiền 115.368.871đ chứng minh bằng Bản hợp đồng số HDDL-NDTSC-010116-46, ngày 31/12/2015 và Bản đối chiếu và xác nhận nợ ngày 30/6/2016 có chữ ký của ông L xác định từ ngày 01/10/2015 đến ngày 30/6/2016 ông L có mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của Công ty cổ phần A và còn nợ lại là 237.172.226đ. Sau khi đối chiếu nhận nợ ông L đã trả được 121.803.355đ. Hiện ông L còn nợ Công ty cổ phần A là 115.368.871đ vốn gốc. Như vậy hiện nay số tiền nợ này đã quá hạn theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

Còn bị đơn ông Trần Tuấn L vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của Công ty A; xem như ông L đã từ bỏ việc bảo vệ

quyền lợi của mình. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định là hiện nay ông L còn nợ Công ty cổ phần Asố tiền mua bán còn lại là 115.368.871đ

-Xét yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật của nguyên đơn Công ty cổ phần A.

Nhận thấy tại Điều II của Hợp đồng giữa ông L ký kết với Công ty cổ phần A có xác định thời gian trả nợ sau khi đặc hàng là từ 30 ngày đến 90 ngày tùy theo mặt hàng, như vậy thời gian tối đa mà hai bên thỏa thuận thanh toán trong hợp đồng này là 90 ngày. Nhưng từ khi đối chiếu ngày 30/6/2016 xác định ông L còn nợ là 237.172.226đ. Sau đó ông L có trả tiếp 121.803.355đ. Hiện ông L còn nợ Công ty cổ phần A là 115.368.871đ vốn gốc. Và từ đó đến nay ông L không thanh toán phần tiền còn lại cho Công ty cổ phần A cho thấy ông L là người có lỗi đã vi phạm cam kết ban đầu. Nay Công ty cổ phần A yêu cầu ông L trả một lần số tiền còn lại nêu trên sau khi có hiệu lực pháp luật là có căn cứ đúng qui định pháp luật nên được chấp nhận.

**[3] Về án phí:** Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần A, nên bị đơn ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật là 5% đối với số tiền tranh chấp  $115.368.871đ \times 5\% = 5.768.000đ$ .

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 và khoản Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 430; 431, 432, 433; 434, 435, 436 và 440 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **Xử:**

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần A.**

- Buộc ông Trần Tuấn L trả cho Công ty cổ phần A số tiền mua bán phân bón và vật tư nông nghiệp còn nợ là 115.368.871 đồng (Một trăm, mười lăm triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm bảy mươi một đồng).

Thời gian trả: Trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày Công ty cổ phần A có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông L chậm thực hiện nghĩa vụ cấp trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

**2. Về án phí:** Ông L phải chịu 5.768.000 đồng (Năm triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Hoàn lại cho Công ty cổ phần A số tiền tạm ứng án phí là 2.884.000 đồng (Hai triệu, tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai số 0004458 ngày 30/11/2020 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự nguyên đơn Công ty cổ phần A và bị đơn ông L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè ;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**PHẠM THANH DŨNG**